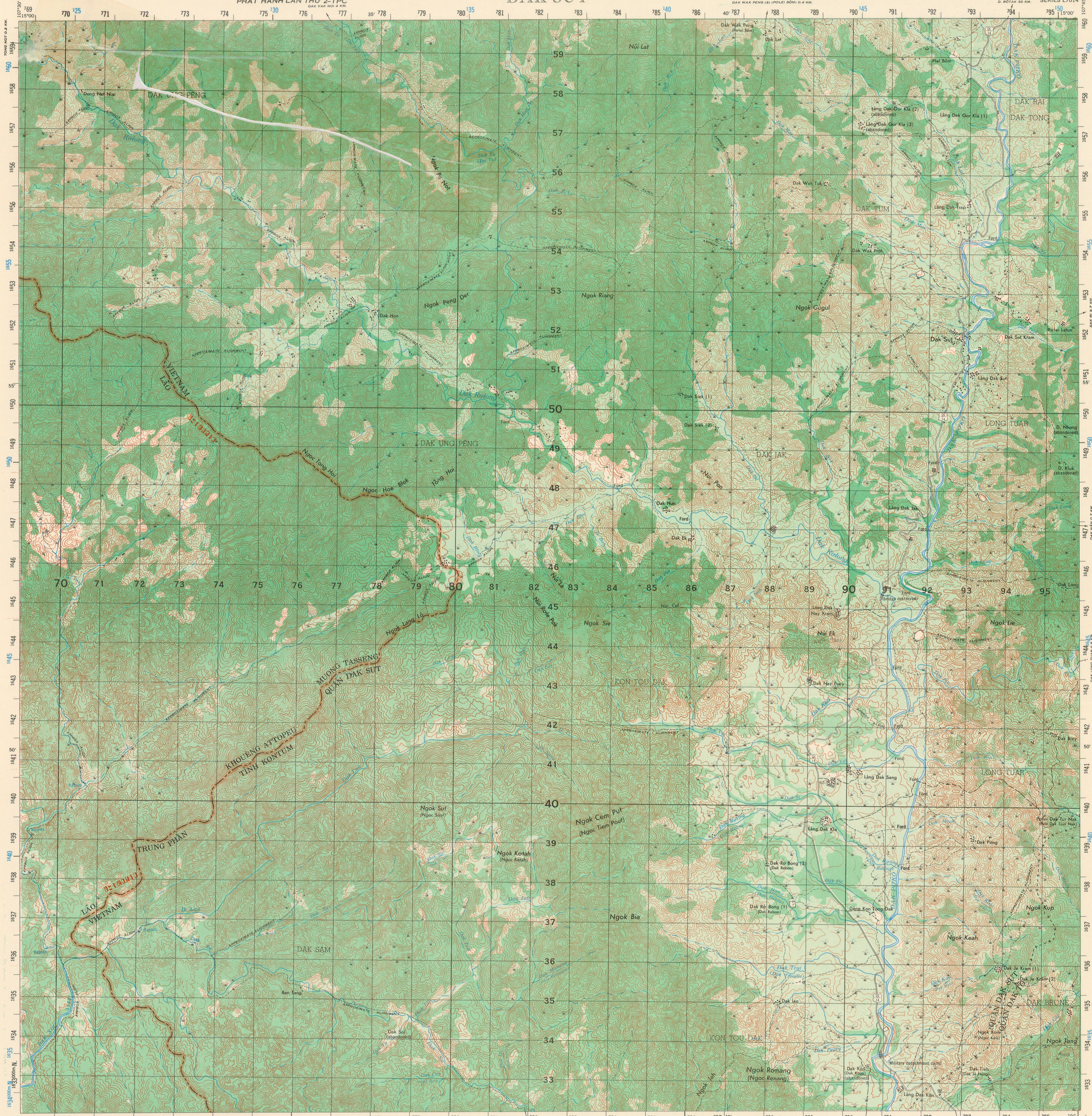




FOR LAOS LEGEND SEE ADJOINING SERIES
XEM CHÚ-TỪ PHÍA LÃO Ở KẾ-CẬN LOẠI
LEGEND—CHÚ-TỪ
MAP INFORMATION AS OF 1968
CẬP NHẬT NGÀY 15 THÁNG 11 NĂM 1968

NHA ĐỊA-DƯ QUỐC-GIA VIỆT-NAM ẨM HÀNH
PRINTED BY THE NATIONAL GEOGRAPHIC DIRECTORATE, VIETNAM
ẨM-hành lần thứ Hai 6-72
2nd Printing 6-72

1000 500 0 1000 2000 3000 4000 Meters

1000 500 0 1000 2000 3000 4000 Yards

$\frac{1}{2}$ 0 1 2 3

KHOẢNG CÁCH ĐỀU VÒNG CAO-ĐỘ: 20 MÉT
CÁC VÒNG CAO-ĐỘ PHỤ TÙNG: 10 MÉT

HỒI LẬU-DỤC	EVEREST
VÒNG	UTM TỪNG 1.000 MÉT: KHU HÌNH THOI 48
	(NHỮNG ĐƯỜNG CỎ GHI SỐ ĐEN)
	KHU HÌNH THOI 49 (NHỮNG MÀU ĐƯỜNG GHI SỐ XANH)
HỆ THỐNG CHIỀU	UTM
HỆ THỐNG TRẮC CẦU	MẶT BẰNG TRUNG-BÌNH THÁI HÀ TIỀN
HỆ THỐNG TRẮC-CẦU CHUẨN	HỆ THỐNG TRẮC-CẦU AN-ĐỘ 1960

The figure consists of a map on the left and a table on the right. The map shows the outline of Vietnam, with labels 'LÃO B 3' to the west, 'VIETNAM A 1' to the east, and 'A 2' at the southern tip. Below the map are the labels 'VIETNAMESE', 'ENGLISH', and 'COMPARABLE'. The table on the right is a 3x3 grid of sheet numbers. The first column contains '6430 II', '6438 I', and '6438 II'. The second column contains '6539 III', '6538 IV', and '6538 III'. The third column contains '6529 IV', '6538 I', and '6538 II'. A note at the bottom right of the table states 'Sheet 6538 IV falls within ND 48-8, 1501'.

6430 II	6539 III	6529 IV
6438 I	6538 IV	6538 I
6438 II	6538 III	6538 II

Sheet 6538 IV falls within ND 48-8, 1501

[illegible]

CONTOUR INTERVAL-20 METERS
SUPPLEMENTARY CONTOURS-10 METERS

SPHEROID.....EVEREST
GRID....1,000 METER UTM:ZONE 48 (BLACK NUMBERED LINES);
 ZONE 49 (BLUE NUMBERED TICKS)
PROJECTION.....TRANSVERSE MERCATOR
VERTICAL DATUM.....MEAN SEA LEVEL AT HÀ TIÊN
HORIZONTAL DATUM.....INDIAN DATUM 1960

CREDITS

PREPARED BY.....U. S. ARMY TOPOGRAPHIC COMMAND (TPC)
NAMES BY.....NGS, VIETNAM
CONTROL BY.....USAMSFE: NGS, VIETNAM

XIN GỬI NHỮNG SỬA ĐỔI CỦA BẢN ĐỒ NÀY ĐẾN NHÀ ĐỊA DƯ QUỐC GIA - ĐÀLAT
USERS ARE URGED TO REFER CORRECTIONS AND COMMENTS FOR INCREASING THE USEFULNESS OF THIS
MAP TO COMMANDING GENERAL, US ARMY TOPOGRAPHIC COMMAND, WASHINGTON, D.C. 20315

ĐƯỜNG BIÊN-GIỚI GHI TRÊN BẢN-ĐỒ CHƯA ĐƯỢC MINH-ĐỊNH

GLOSSARY — CỜ-TỪ'

Ban.....	village
D., Dak.....	stream
Khoueng.....	primary administrative division
Làng.....	village
Muong.....	secondary administrative division

Ngoc, Ngok	mountain
Nui	mountain
Plei, Poiei	village
Tong	mountain

KHOẢNG CÁCH ĐỀU VÒNG CAO-ĐỘ: 20 MÉT

CÁC VÒNG CAO-ĐỘ PHỤ TÙNG: 10 MÉT

KHOÍ ĐẦU DỤC	EVEREST
0 VÒNG	UTM TỪNG 1.000 MÉT: KHU HÌNH THOI 48 (NHỮNG ĐƯỜNG CỎ GHÌ SỎ ĐEN); KHU HÌNH THOI 49 (NHỮNG MÀU ĐƯỜNG GHÌ SỎ XANH); UTM
HỆ THỐNG CHỈ DẪN	MẶT BIÊN TRUNG-BÌNH TẠI HÀ TIÊN
BÌNH-DIỆN CHUẨN	HỆ-THỐNG TRẮC-CẦU CHUẨN
	AN-80 1960

ZONE 48 KHU HÌNH THOI 48 GN

FOR CENTER OF SHEET HỘI-TỰ ĐƯỜNG KÉ Ở VUÔNG TÍNH Ở TRUNG-TÂM BẢN-ĐỒ 0°40' (0.2 MILS; MIL)	1/2" (0.0 MILS; MIL)	FOR CENTER OF SHEET HỘI-TỰ ĐƯỜNG KÉ Ở VUÔNG TÍNH Ở TRUNG-TÂM BẢN-ĐỒ 0°52' (0.5 MILS; MIL)
--	----------------------	--

100

TO CONVERT A MAGNETIC AZIMUTH TO A GRID AZIMUTH <u>SUBTRACT G-M ANGLE</u>	TO CONVERT A GRID AZIMUTH TO A MAGNETIC AZIMUTH <u>ADD G-M ANGLE</u>	TO CONVERT A MAGNETIC AZIMUTH TO A GRID AZIMUTH <u>ADD G-M ANGLE</u>
--	---	---

MUỐN ĐỔI	MUỐN ĐỔI	MUỐN ĐỔI	MUỐN ĐỔI
PHƯƠNG-GIÁC TỪ THÀNH	PHƯƠNG-GIÁC Ồ VƯỢNG THÀNH	PHƯƠNG-GIÁC TỪ THÀNH	PHƯƠNG-GIÁC Ồ VƯỢNG THÀNH
PHƯƠNG-GIÁC Ồ VƯỢNG	PHƯƠNG-GIÁC TỪ	PHƯƠNG-GIÁC Ồ VƯỢNG	PHƯƠNG-GIÁC TỪ
<u>TRỪ GỐC V-T</u>	<u>CỘNG THÊM GỐC V-T</u>	<u>CỘNG THÊM GỐC V-T</u>	<u>CỘNG THÊM GỐC V-T</u>

	HIGHEST	Tiểu Khu or Tỉnh.....Province.....	U.S.....State	1,230,000
	HIGH	Quận.....District.....	County	
	MEDIUM	Xã or Làng.....Village.....	Township	
	LOW	Ấp.....Hamlet.....	Town	

Vietnam

1. Trung Phần

A. Tỉnh Kontum

1. Quận Dak Sot

2. Quận Dak Th.

1965 G-M ANGLE GÓC V-T	Lào B. Khuông Attapeu 3. Muong Tasseng	GRID ZONE DESIGNATION MÈNH DẠNH BẢNG ĐỒ THƯỜNG KINH KẾ 0	TO GIVE A STANDARD REFERENCE ON THIS SHEET TO NEAREST 100 METERS	PHẠM VI CỦA TỌA ĐỘ TƯỜNG THUẬT MẸT CỤM MẸT TRÊN BẢN ĐỒ
------------------------------	--	---	--	---

(20 MILS; MIL)	48P	SAMPLE POINT: BAN TANG	THẺ MẪY: BAN TANG
100.00 M. SQUARE IDENTIFICATION CHỈ ĐOẠN 5 VUÔNG TÍNH 100.00 M.		1. Read first VERTICAL, identify 100.00 meter square in which the point lies. 2. Locate first VERTICAL, grid line to LEFT of point and read LARGEST figure labeling the point.	
		3. Chỉ đọc chữ đầu 1 hàng tính 100.00 mét của ô chữ chứa điểm cần tìm. 4. Lấy đường kẻ đứng bên TRƯỚC của ô chữ trước điểm cần tìm và đọc LỚN nhất các chữ số ghi trên ô chữ đó.	YB

YB

Estimate both from grid line to point, or on the line itself.

Ước lượng vừa dựa vào đường kẻ lưới đến điểm, vừa dựa vào đường kẻ đến điểm chính xác.

3. Locate first **HORIZONTAL** grid line **BELOW** point and read **LABEL**. Figures tabling the line either to the left or right margin, or on the line itself.

3. Lấy đường kẻ **horizontal** gần **NGANG** đầu tiên ở phía **DƯỚI** điểm. Đọc các con số ghi bên trái hoặc bên phải đường kẻ **horizontal** đó, hoặc ghi trên đường kẻ **horizontal** đó.

CONVERT A ZIMUTH TO A CATHMUT ACT G-M ANGLE	IGNORE THE SMALLER Figures of any grid number: these are for finding the full coordinates. Use ONLY the LARGER Figures of the grid number. Những con số nhỏ trong bất kỳ hàng tọa độ nào cũng chỉ dùng để xác định các số lớn của bất kỳ hàng tọa độ.	Estimate bearings from grid line to point: Ước lượng hướng theo đường trục lưới tới điểm cần đo.	3
	1692000	SAMPLE REFERENCE: 7876253	
	1692000	If reporting bearing 9° 55' N or 1° E, write: 09° 55' N; 01° 00' E. Grid Zone Designation: 48PBY762535	48PBY762535

Example: Tít Dý: 33000 mành-danh khu vể B: DAK SUT, VIETNAM; LAC

DAK SUT, VIETNAM; LAC